

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 443/2019/HS-ST
Ngày 29-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.

2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Ngoan, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường A trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 426 /2019/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2019/HSST-QĐ ngày 18/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Võ Chí L (tên gọi khác: Bé), sinh năm 1978, tại Bình Dương; thường trú: 9/1 khu phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Võ Minh C, sinh năm 1957 và con bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1959; bị cáo có vợ tên Hà Phú N, sinh năm 1989 và có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có. Bị bắt tạm giam ngày 19/7/2019 đến ngày 22/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, bị cáo tại ngoại.

2. Nguyễn Văn P (tên gọi khác: Đẹt), sinh năm 1993, tại Bình Dương; thường trú: 7/15 khu phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967 và con bà Nguyễn Thị Gái N, sinh năm 1967; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam ngày 19/7/2019 đến ngày 22/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, bị cáo tại ngoại.

Bị hại: Chị Lưu Thị Hoài T, sinh năm 1993; thường trú: Tổ 17 khu phố N, phường M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1991; địa chỉ: Xã L huyện M, tỉnh Bình Phước.
2. Chị Nguyễn Phương T1, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp L xã T, huyện T tỉnh Tây Ninh.
3. Anh Lê Quốc V1, sinh năm 1990; thường trú: 8/8 khu phố A, phường H thị xã K, tỉnh Bình Dương.
4. Anh Huỳnh Anh T2, sinh năm 1981; thường trú: Khu phố 3, phường X, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.
5. Anh Trần Lê Vinh S, sinh năm 1993; thường trú: 647/13 khu phố H1, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương.
6. Ông Võ Minh C, sinh năm 1957; thường trú: 9/1 khu phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương.

Người làm chứng:

1. Anh Đặng Ngọc K.
2. Chị Nguyễn Thị H.
3. Chị Nguyễn Thị Lê U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Chí L và Nguyễn Văn P là bạn quen biết nhau ngoài xã hội. Khoảng tháng 6/2019, bị cáo L cho anh Nguyễn Xuân V vay số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, các lần trả nợ anh V đưa tiền cho vợ là Lưu Nguyễn Hoài T mang tiền trả cho L, tính đến trước thời điểm 19/7/2019 V còn nợ L 2.400.000 đồng, L đòi nhiều lần nhưng V không trả. Vào lúc 18 giờ 30 ngày 19/7/2019, chị T đang ngồi trên xe mô tô Vision màu trắng biển số 70G1-273.63 nói chuyện với chị Thu (không rõ nhân thân) tại đường Tô Vĩnh Diện địa chỉ khu phố Tân Hòa, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, L điều khiển xe mô tô ngang qua gặp T, L quay xe lại đến chỗ T nói “sao gọi điện thoại cho chồng mà chồng đổ cho vợ, vợ đổ cho chồng mượn tiền vậy”, L rút chìa khóa xe của T, dùng nón bảo hiểm đánh vào đầu chị T (T đang đội nón bảo hiểm nên không bị thương tích). Chị T nói “tiền cho V mượn gặp V để đòi, V không gửi tiền về lấy đâu tiền trả nợ”, L nói với T “mày kêu chồng mày trả tiền cho tao, không thì tao lấy xe mày về”, L sử dụng điện thoại 105 màu xanh đen có sim số 094.897.1400 điện thoại cho P theo số 0704.748.721 nói “lên đường Tô Vĩnh Diện chạy xe về giùm” sau đó P đến gặp L đang cãi nhau với T. L tiếp tục gọi điện cho bà Nguyễn Thị H (mẹ của anh V) ra nói chuyện việc V nợ tiền nhưng T, V không trả, sau đó L đưa chìa khóa xe của chị T cho P và nói với T “giờ mày không trả tiền cho tao, tao lấy xe về, khi nào mày trả tiền thì lấy xe về”. Chị T không đồng ý, L nắm áo kéo về phía bên trái làm chị T ngã nghiêng về phía bên trái, xe bị đổ. L dựng xe của T lên đưa xe cho P nói “chạy

xe về nhà L cất” sau đó L chạy xe mô tô của mình đi về. Trên đường về nhà, L gặp Lê Quốc V1, L nhờ V1 đến nhà L chở P về, khi P chạy xe của chị T về nhà của L, L cho P 100.000 đồng sau đó P lên xe để V1 chở về. Sau khi bị chiếm đoạt xe, chị T đến Công an phường Đông Hòa trình báo vụ việc. Sau đó bị cáo L, P bị bắt khẩn cấp.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda kiểu dáng Vision màu trắng biển số 70G1-273.63; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh đen, có sim số 0948971400; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S, màu đồng, có sim số 0704748721 và số tiền 100.000 đồng do bị cáo P giao nộp.

Vật chứng đã xử lý: Trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda kiểu dáng Vision màu trắng biển số 70G1-273.63 cho chị Lưu Thị Hoài T.

Kết luận định giá tài sản số 182/BB.ĐG ngày 05/9/2019 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương: 01 xe mô tô hiệu Honda kiểu dáng Vision màu trắng biển số 70G1-273.63 có trị giá 13.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lưu Nguyễn Hoài T yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại về tinh thần 10.000.000 đồng, bị cáo L đã bồi thường xong cho chị T.

Cáo trạng số 440/CT-VKS ngày 13/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Võ Chí L và Nguyễn Văn P về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao xử phạt bị cáo Võ Chí L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 3 năm đến 4 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 2 năm đến 3 năm.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu đồng; 100.000 đồng tiền thu lợi của P; tịch thu tiêu hủy sim số 094.897.1400 sim số 0704.748.721.

Các bị cáo L, P không tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng

Võ Chí L, Nguyễn Văn P: Xin được xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Chứng cứ xác định có tội của các bị cáo: Căn cứ lời khai các bị cáo, người làm chứng, lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án thể hiện. Bị cáo Võ Chí L cho anh Nguyễn Xuân V vay 10.000.000 đồng, anh V trả nợ và còn nợ nãi 2.400.000 đồng, ngày 19/7/2019 khi L gặp chị Lưu Nguyễn Hoài T là vợ của V, L yêu cầu chị T trả 2.400.000 đồng, khi chị T không trả, L chửi chị T, dùng nón bảo hiểm đánh chị T, xô đẩy chị T để lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda kiểu dáng Vision màu trắng biển số 70G1-273.63 có trị giá 13.000.000 đồng để buộc chị T phải trả tiền. Bị cáo Nguyễn Văn P khi được bị cáo L điện thoại nhờ lên chạy dùm xe của người thiếu nợ mang về, khi bị cáo P đến chứng kiến L chửi chị T, L dùng tay xô đẩy chị T, buộc chị T giao xe, trong khi chị T không đồng ý, sau khi L lấy được xe của chị T đưa cho P mang về, P chạy xe của chị T mang về cho L và được L cho 100.000 đồng. Như vậy, hành vi trên của bị cáo L, P đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 440/CT – VKS ngày 13/11/2019 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo L, P cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm do bị cáo L, P thực hiện là nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 05 năm tù, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo ngoài việc xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của chị Lưu Nguyễn Hoài T được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội tại địa phương. Do vậy, hành vi trên của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L, P không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L đã bồi thường thiệt hại về tinh thần cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo L, P thành khẩn khai báo nhận tội, ăn năn hối cải; tài sản thiệt hại đã được thu hồi trả bị hại. Tình tiết trên quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Về nhân thân: Bị cáo L, P có nhân thân tốt thể hiện việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự, các bị cáo có nghề nghiệp ổn định.

[3] Trong vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, do bị cáo L, P không có bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện tội phạm. Trong vụ án, bị cáo L là người giữ vai trò chính, bị cáo P giúp sức cho L trong việc đưa xe bị hại về nhà L. Các bị cáo tham gia với vai trò người thực hành.

Xét tính chất, mức độ tội phạm và nhân thân bị cáo L, P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo nhất thời phạm tội, phạm tội xuất phát từ việc bị cáo L đòi tiền anh Nguyễn Xuân V là chồng của bị hại T. Xét thấy, không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng

Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt tù cho hưởng án treo giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lưu Nguyễn Hoài T đã nhận tài sản bị chiếm đoạt, đã được bồi thường 10.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu đồng, bị cáo L và P sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; số tiền 100.000 đồng bị cáo P thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 01 sim số 094.897.1400 và sim số 0704.748.721 không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo L, P và việc xử lý vật chứng. Xét quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[7] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo L, P phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Chí L (tên gọi khác: Bé), Nguyễn Văn P (tên gọi khác: Đẹt) phạm tội Cường đoạt tài sản.

1.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Xử phạt bị cáo Võ Chí L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Chí L, Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo L, P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi Hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu đồng; 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim số 0948.971.400; sim số 0704.748.721. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2019, biên lai thu tiền số 01358 ngày 29/11/2019.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Các bị cáo Võ Chí L, Nguyễn Văn P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; bị hại, người cqlnvlq;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh